

*

Cao Bằng, ngày 24 tháng 10 năm 2023

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 16 (huyện Hà Quảng)

Phần F.I. Nghiên cứu thực tế

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Chu Văn Bộ	8,50	Tám phẩy năm	31	Nguyễn Tuấn Kiên	8,75	Tám phẩy bảy năm
2	Trần Văn Bốn	8,50	Tám phẩy năm	32	Dương Thị Lâm	8,25	Tám phẩy hai năm
3	Nông Đình Chiêu	8,50	Tám phẩy năm	33	Bé Thanh Lịch	8,25	Tám phẩy hai năm
4	Hoàng Văn Đông	8,50	Tám phẩy năm	34	Hà Thị Liễu	9,00	Chín
5	Đàm Văn Đức	8,50	Tám phẩy năm	35	Hà Thị Lựu	8,50	Tám phẩy năm
6	Hoàng Thị Dung	8,50	Tám phẩy năm	36	Lương Thị Luyến	8,50	Tám phẩy năm
7	Hoàng Thị Dung	8,50	Tám phẩy năm	37	Hà Thị Mai	8,50	Tám phẩy năm
8	Phạm Thị Dung	8,75	Tám phẩy bảy năm	38	Trần Thị Mai	8,50	Tám phẩy năm
9	Nông Dũng Hà	9,00	Chín	39	Triệu Thị Nga	9,00	Chín
10	Lương Thị Hạ	8,50	Tám phẩy năm	40	Quách Trọng Nghĩa	8,50	Tám phẩy năm
11	Nguyễn Thị Hằng	9,00	Chín	41	Nông Văn Nguyễn	8,50	Tám phẩy năm
12	Đàm Thị Hạnh	8,50	Tám phẩy năm	42	Hoàng Thị Nhậm	8,50	Tám phẩy năm
13	Đường Thị Hạnh	9,00	Chín	43	Đinh Thị Như Quỳnh	8,50	Tám phẩy năm
14	Nông Thị Hạnh	8,50	Tám phẩy năm	44	Vi Thị Hồng Thi	9,00	Chín
15	Nông Thị Hậu	9,00	Chín	45	Hà Thị Thu	8,50	Tám phẩy năm
16	Đàm Thu Hiền	9,00	Chín	46	Đào Minh Thuần	8,25	Tám phẩy hai năm
17	Sầm Hoàng Hiền	8,50	Tám phẩy năm	47	Tô Thị Thuần	9,00	Chín
18	Đàm Văn Hiệp	8,50	Tám phẩy năm	48	Hoàng Văn Thuật	8,75	Tám phẩy bảy năm
19	Lã Thị Hiếu	8,50	Tám phẩy năm	49	Hoàng Thị Biên Thùy	8,25	Tám phẩy hai năm
20	Hoàng Thị Hòa	8,50	Tám phẩy năm	50	La Văn Tiến	8,25	Tám phẩy hai năm
21	Triệu Thị Hòa	8,50	Tám phẩy năm	51	Hoàng Thị Trang	8,50	Tám phẩy năm
22	Nông Thị Huế	8,50	Tám phẩy năm	52	Phan Thị Trang	9,00	Chín

74

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
23	Lương Thị Minh Huệ	8,50	Tám phẩy năm	53	Vương Văn Trung	8,50	Tám phẩy năm
24	Đàm Mạnh Hùng	9,00	Chín	54	Hoàng Văn Tuệ	8,50	Tám phẩy năm
25	Hoàng Văn Hữu	9,00	Chín	55	Hà Thị Tươi	8,50	Tám phẩy năm
26	Hoàng Thị Huyền	8,50	Tám phẩy năm	56	Nông Thị Uyên	8,25	Tám phẩy hai năm
27	Mạc Thị Thanh Huyền	8,50	Tám phẩy năm	57	Đàm Trọng Vĩnh	9,00	Chín
28	Nông Thị Huyền	8,50	Tám phẩy năm	58	Mã Thị Yên	8,25	Tám phẩy hai năm
29	Nông Thị Thu Huyền	8,50	Tám phẩy năm	59	Hoàng Thị Ngân	8,25	Tám phẩy hai năm
30	Lý Văn Khánh	9,00	Chín				

Điểm 8,25: 08 điểm; Điểm 8,50: 34 điểm; Điểm 8,75: 03 điểm; Điểm 9,00: 14 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Triệu Văn Lượng



Đoàn Thị Vân Thúy



Trịnh Thị Ánh Hoa